

Hàm Nghi (1884-1885)

--- không rõ tác giả ---

Hàm Nghi những ngày bôn tẩu

Vua Kiến Phúc mất, đáng lý con thứ hai của vua Tự Đức là ông Chánh Mông lên nối ngôi, nhưng Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết không muốn lập, bèn chọn em ông Chánh Mông là Ưng Lịch lên làm vua, niên hiệu Hàm Nghi lúc đó mới mười ba tuổi.

Lễ đăng quang của vua Hàm Nghi được tiến hành ngày 1/8/1884.

Làm vua chưa được 1 năm, Kinh thành thất thủ vào đêm 4-7-1885 (đêm 22, sáng 23 ất Dậu) vua Hàm Nghi và Hoàng Thái hậu được Tôn Thất Thuyết mời lên kiệu tẩu thoát.

Hàm Nghi mới 13 tuổi, sững sốt nói: "Ta có đánh nhau với ai đâu mà phải chạy". Tôn Thất Thuyết bèn rút gương ra khiến quân lính vực vua lên kiệu, qua cửa Hữu, ra khỏi phòng thành đi về phía Kim Long.

Đến Quảng Trị, đoàn đạo ngự chia làm hai, một đoàn theo đức Từ Dũ trở về Huế gồm có các hoàng thân và quan lại, hoặc già yếu, hoặc mất ý chí chiến đấu và phụ nữ không muốn đi lên Tân Sở. Một đoàn đi theo nhà vua lên Tân Sở gồm những quan văn, quan võ muốn giữ chọn chữ trung với nhà vua, với nước và các phụ nữ muốn đi theo cha mẹ, chồng con.

Sáng sớm mùng 9 tháng 7, sau khi bái biệt Từ Dũ Thái hậu và hai bà Trang Ý, Học Phi, nhà vua lên đường ngay và chiều tối thì đến thành Tân Sở. Hàm Nghi cả ngày đêm chiêu, buồn rầu vì nhớ Kinh đô. Sau ba ngày ở Tân Sở, nhà vua đòi Tôn Thất Thuyết cho người đưa về Huế, nhưng Tôn Thất Thuyết tỏ ý chí quyết chiến với Pháp, nên hai ngày sau Thuyết đệ vua một tờ chiếu kể tội giặc Pháp và yêu cầu nhân dân nổi dậy chống Pháp. Hịch Cần Vương ra đời.

Nhà vua đọc hai lần mới phê chuẩn, rồi nói thêm:

- Bây giờ trăm mới hiểu vì sao khanh không muốn trăm về Huế khi còn bị giặc Pháp chiếm đóng.

- Vậy nếu công cuộc kháng chiến đòi hỏi đi vào sống trong rừng sâu, Ngài có đi không? - Tôn Thất Thuyết hỏi.

- Đi đâu cũng đi, sống thế nào cũng được, miễn là đuổi cho giặc Pháp ra khỏi đất nước - nhà vua nói với giọng trầm, chậm rãi nhưng kiên quyết.

Thế là ngày hôm sau, Tôn thất Thuyết phò vua rời Tân Sở, ngược Mai Lĩnh qua Lào, tiếp tục vượt đèo Qui Hợp, sang địa phận Hà Tĩnh để về ẩn Sơn là nơi mà Tôn Thất Thuyết dự định đặt đại bản doanh của nhà vua.

Đoàn người trên 500 ra đi từ Hành cung Quảng Trị chỉ còn 200 người cả quan lẫn lính với một cái kiệu trong đó Hàm Nghi đang lên cơn sốt, 6 cái võng, 1 con ngựa, 3 con voi với 50 gánh hành lý.

Suốt dọc con đường dài hiểm trở, gian lao, vị vua sớm nếm mùi gian khổ ấy vẫn giữ vững ý chí, trầm ngâm, suy ngẫm về cuộc chiến đấu vô cùng ác liệt tới.

Cuộc chiến đấu trong rừng

Sau khi ban Hịch Cần Vương, các nơi đều hưởng ứng, riêng ở Hà Tĩnh Lê Ninh và ẩm Võ đã lãnh

đạo thân hào, nhân sĩ và nhân dân chiếm tỉnh thành, bắt Trịnh Văn Báu, giết Lê Đạt là những người chống lại phong trào Cần Vương

Triều đình Huế cử Hoàng Kế Viêm ra Quảng Bình, dụ vua Hàm Nghi và các quan cựu thần về. Trong tờ dụ Đồng Khánh ban cho Hoàng Kế Viêm đại lược nói rằng: Nếu vua Hàm Nghi thuận về thì sẽ phong cho làm Tổng trấn ba tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An và Hà Tĩnh, lại cấp cho bổng lộc theo tước vương. Các quan cựu thần như Trương Văn Ban, Nguyễn Trực, Lê Mô Khải, Phan trọng Mưu, Nguyễn Xuân Ôn, Lê Doãn Kha, Ngô Xuân Quỳnh... ai về thú thì sẽ được phục nguyên chức, cho làm quan từ Quảng Trị trở vào. Còn các ông Trần Xuân Soạn, Nguyễn Phạm Tuấn, Phan Đình Phùng có chịu về thì sẽ tha những lỗi trước, và phong cho chức hàm khác.

Chẳng có quan nào chịu về đầu hàng cả. Hoàng Kế Viêm phải triệt về tháng 5 năm Đinh Hợi (1887).

Bấy giờ quân của Đề đốc là Lê Trực đóng ở mạn Thanh Thủy, thuộc huyện Tuyên Chánh; quân của Tôn thất Đạm là con của Tôn Thất Thuyết đóng ở ngàn Hà Tĩnh, về hạt Kỳ Anh và Cẩm Xuyên. Còn Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Phạm Tuấn thì phò vua Hàm Nghi ở mạn huyện Tuyên Hoá.

Trong đoàn hộ giá vua Hàm Nghi còn có Trương Quang Ngọc, con một viên quan đã từng bị triều đình đày lên làng Vè, đem một đội quân Mường rất tinh nhuệ ra hàng, khi biết tin nhà vua đến Ấn Sơn.

Tôn Thất Thiệp giữ gìn nhà vua một cách nghiêm mật, thề sống chết không để cho quân Pháp bắt được. Bởi vậy hễ ai nói đến sự đầu hàng thì bắt chém ngay, cho nên bọn Trương Quang Ngọc tuy đã bị Pháp mua chuộc, nhưng chưa dám hạ thủ.

Ở mé ngoài thì các ông Lê Trực và Tôn thất Đạm nay đánh chỗ này, mai phá chỗ kia, không sao bắt được. Đại úy Mouteaux đánh đuổi lâu ngày nhọc mệt, bèn xin Pháp về nghỉ.

Cuộc chiến đấu trong rừng của vua Hàm Nghi vẫn tiếp tục cho đến tháng chín năm Mậu Tý (1888).

Những ngày kháng chiến cuối cùng

Từ tháng Giêng đến tháng chín năm Mậu Tý (1888) quân Pháp truy đuổi Hàm Nghi, đuổi bắt ông Lê Trực và Tôn Thất Đạm nhưng không thành công. Chúng toan rút về. Bỗng có tên suất đội Nguyễn Đình Tình, hầu cận vua Hàm Nghi, ra hàng ở đồn Đồng Cả, khai rõ tình cảnh cùng chỗ vua đóng. Bọn Pháp bèn sai tên Tình đem thư lên dụ tên Ngọc về. Được mấy hôm, cả hai tình nguyện xin đi bắt vua Hàm Nghi.

Mười giờ đêm ngày 26 tháng 9 năm 1888, Ngọc và Tình đem hơn 20 lính Mường vào bao vây lầu tranh của vua Hàm Nghi trên bờ khe Tả Bảo. Nghe ngoài có tiếng động, quan Thống chế Nguyễn Thuý và con trai ông, 45 tuổi giữ chức Tham biện Nội các, chạy ra, bị tên Ngọc đâm chết ngay.

Tôn Thất Thiệp, con út Tôn Thất Thuyết còn đang ngủ, hoảng hốt cầm gươm nhảy ra cũng bị một tên lính Mường phóng ngọn giáo vào ngực chết ngay.

Biết mình bị phản, vua Hàm Nghi bước ra, cầm thanh gươm đưa cho Trương Quang Ngọc và bảo rằng: □ Mày giết tao đi còn hơn đưa tao về nộp cho Tây □.

Vua vừa nói dứt lời thì một tên lính Mường lên ra sau lưng ôm quàng lấy rồi giật thanh gươm ra. Từ đó, nhà vua không nói năng gì nữa.

Sáng hôm sau, Ngọc cõng nhà vua ra đến bến Ngã Hai, rồi đưa xuống bè, đi mất hai ngày mới đến đồn Thanh Lang, nộp cho viên đại úy coi đồn là Baoulanger. Viên đại úy lập tức đưa nhà vua về đồn Thuận Bài đóng ở sông Gianh, gần chợ Đồn.

Khi nhà vua từ dưới thuyền bước lên, quân đội Pháp do một thiếu tá chỉ huy cử nhạc và bông súng chào thì nhà vua kéo khăn che mặt lại. Đến khi viên thiếu tá đọc lời chúc thì nhà vua nói: "Tôi không dám nhận lời chúc mừng của ông vì tôi chỉ là bề tôi của vua Hàm Nghi. Vua chúng tôi hiện đang ở trong rừng. Nếu tôi không bị ốm nặng thì tôi đã tẩu thoát với nhà vua tôi rồi".

Từ đó nhà vua im lặng. Bọn Pháp hoang mang không biết là người trước mặt có thật là vua Hàm Nghi chăng, hay là tên Trương Quang Ngọc phỉnh lừa?

Được tin vua Hàm Nghi đến Thuận Bài, viên đề đốc đồn Thanh Thủy và các đề đốc đến bái yết, nhà vua giả vờ không biết những người ấy, không truyền bảo một lời nào, càng làm tăng thêm sự hoang mang cho bọn quan Pháp.

Giữa lúc ấy, có một cụ già chống gậy đến. Đó là Nguyễn Thuận, thầy dạy vua Hàm Nghi thuở thiếu thời. Vừa thấy thầy cũ, vua Hàm Nghi đột nhiên đỡ cụ và vái chào. Bọn Pháp lúc đó mới tin chắc đó là vua Hàm Nghi - người đã chịu bao gian truân khổ ải trong rừng sâu nước độc, quyết chiến đấu đến cùng, giờ đã sa vào tay giặc. Lúc đó nhà vua mới 17 tuổi, đã kháng chiến được 3 năm.

Trên đường lưu đày

Từ Thuận Bài, quân Pháp đưa nhà vua về cửa Thuận An, khi bằng võng, khi bằng thuyền

Tại Thuận An, khi Khâm Sứ Rheinart và các Cơ mật Đại thần đến chào, vua Hàm Nghi cáo ốm không tiếp. Sau vì nể, nhà vua phải tiếp Rheinart nhưng tỏ ra lạnh nhạt. Đến khi Rheinart cho biết Hoàng Thái hậu đang ốm và hỏi: "Nếu nhà vua muốn thăm, tôi sẽ cho tàu về đón ra đây". Nhà vua đáp: "Tôi thân đã tù, nước đã mất, còn dám nghĩ chi đến cha mẹ, anh chị em nữa"

Nói rồi vua cáo ốm, lánh vào phòng riêng.

Từ Thuận An, nhà vua được đưa bằng tàu La Comete vào Sài Gòn, rồi đáp tàu Biên Hoà cập bến Alger ngày 13-1-1889. Alger là thủ đô nước Algeria - một thuộc địa Pháp nằm trên bờ Nam Địa Trung Hải.

Ở đây, hàng năm Nam Triều sẽ trợ cấp cho vua hai mươi lăm ngàn quan, và cứ ba năm thay một người phục vụ.

Âm thầm như cá chép

(Lời tường thuật của cô Blache, con viên đại tá tư lệnh Alger)

"Vào một buổi chiều, tàu Biên Hoà (chở vua Hàm Nghi) cập bến, chờ làm thủ tục, tôi theo cha ra đón ông Hoàng nhỏ bé ấy. Không hiểu sao tôi cảm thấy một nỗi buồn man mác động lòng trắc ẩn. Dưới bóng chiều chập chờn, con tàu nhỏ khói phì phì dường như muốn rút vội nỗi nhọc nhằn trong cuộc hành trình. Một bóng đen nhỏ nhỏ tựa vào lan can, đăm đăm nhìn ra phía chân trời. Người nghĩ gì? Điều chắc chắn là nỗi căm hơn người Pháp chúng tôi đang hùng hực dâng lên như những lớp sóng vô tận đuổi nhau ra khơi chẳng hay có về đến Tổ quốc thiêng liêng của Người không?

Nỗi bất bình chiếm lĩnh trí óc tôi. Lòng thương vô hạn đối với con người nhỏ bé ấy sớm bị nanh vuốt cú diều cuồn đi xa tổ ấm, xa bầu bạn, xa những người thân làm tôi bắn khoăn thao thức: "Ta phải sửa chữa lỗi lầm này!". Cha tôi chế nhạo tôi đến phát khóc, nhưng cũng khen tôi có trái tim vàng.

Tôi yêu cầu cha tôi đề đạt với phủ Toàn quyền cho tôi được trông nom, săn sóc Người và đã được chấp thuận. Tôi từ bỏ ý định tiếp tục học khoa luật, quanh quẩn bên con chim nhỏ bé của tôi. Buồn

thay! Con chim đã quên tiếng hót, âm thầm như cá chép, không nói năng, đòi hỏi gì. Tình trạng ấy kéo dài mấy tháng, tôi xoay xở đủ cách cũng vô hiệu.

Một buổi nào đó, trăng luồn song cửa. Ôi! Trăng kia mờ màng, ảm đạm làm sao. Tôi ngồi trước dương cầm. Xin giới thiệu tôi là một nhạc công tồi, nhưng lúc ấy tôi cảm thấy cây đàn run run lên, dìu dặt, ai oán. Nỗi buồn lướt trên phím như tiếng nước nở của con tim, khi vút lên căm thù sôi sục. Tôi không nhớ đã chơi bản nhạc nào, điều đó không quan trọng. Đây là khúc nhạc lòng tôi, tấm lòng vị tha đầy nỗi bất bình và thương cảm.

Tiếng đàn dứt, tôi ngoảnh lại thấy Người đứng sau lưng tôi, cặp mắt long lanh. Tôi hỏi: "Hoàng tử có ưa không?". Người đặt đầu. "Có thích học đàn không?" Người lại gật đầu. Tôi sung sướng hôn người, từ đó con cá chép của tôi mở miệng. Có lẽ đó là hạnh phúc lớn nhất đời tôi.

Vì sao Người từ bỏ ngai vàng. Nếu Người thuận theo trở lại ngôi báu thì người Pháp chúng tôi vui mừng biết chừng nào. Vì Người được toàn dân sùng bái, toàn thể sĩ phu tôn thờ. Tôi hiểu rằng lòng yêu Tổ Quốc, yêu quê hương, yêu gia đình, yêu đồng loại cao hơn chiếc ngai vàng nhỏ bé. Tôi yêu nước Pháp của tôi, nên rất trọng những người yêu mến tổ quốc họ."